

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 214 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 25 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn 1 dự án: Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR), tỉnh Đắk Nông**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;*

*Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-BKHĐT ngày 24/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu, tăng cường hiệu lực, hiệu quả và đẩy lùi tình trạng tiêu cực, vi phạm trong đấu thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR), tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án: Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR), tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2022;*





*Căn cứ Thư của UNDP ngày 21/12/2021 về việc ý kiến về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu 18 tháng của dự án SACCR Đắk Nông;*

*Căn cứ Công văn số 1878/CPO-SACCR ngày 28/12/2021 của Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (Ban CPO) về việc Thông báo ý kiến đồng thuận của UNDP về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án SACCR Đắk Nông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 03/TTr-SNN ngày 05/01/2022 và đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 18/BC-SKH-GS&TTr ngày 13/01/2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn 1 dự án: Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR), tỉnh Đắk Nông, với tổng giá trị các gói thầu là: 13.865.417.000 đồng (Mười ba tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm mười bảy nghìn đồng), nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

### **Điều 2.**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ đầu tư):

Tổ chức lựa chọn nhà thầu có năng lực theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, phân khai nguồn vốn cho các gói thầu đảm bảo triển khai dự án đúng quy định và không gây nợ đọng; thực hiện theo đúng Chỉ thị số 03/CT-BKHĐT ngày 24/5/2019, Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu lên hệ thống đấu thầu Quốc gia đúng quy định; đối với gói thầu chỉ định thầu, thực hiện tỷ lệ tiết kiệm theo Công văn số 5699/UBND-KTTC ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, pháp lý của nội dung hồ sơ trình thẩm định tại Tờ trình số 03/TTr-SNN ngày 05/01/2022; cập nhật lại giá gói thầu trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu theo quy định tại Điều 35 của Luật Đấu thầu năm 2013.

Chỉ phát hành hồ sơ mời thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 7, Luật Đấu thầu năm 2013.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý của kết quả thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Báo cáo thẩm định số 18/BC-SKH-GS&TTr ngày 13/01/2022 và chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao tại Phụ lục kèm theo Quyết định này, đảm bảo đấu thầu cạnh tranh, công khai, minh bạch theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PTC UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TTHCC;
- Lưu: VT, KTN (Va).

**CHỦ TỊCH**



**Hồ Văn Mười**



**PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GIAI ĐOẠN 1**

**Dự án: Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR), tỉnh Đắk Nông**

*(Kèm theo Quyết định số 214 /QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Tư vấn thiết kế hệ thống kết nối và phân phối trong đó có lắp đặt và bảo dưỡng thiết bị thủy lợi để ứng phó với biến đổi khí hậu; Xác định vị trí và thiết kế ao chống chịu biến đổi khí hậu, bao gồm các yếu tố kỹ thuật sinh học (thực hiện hết chu kỳ) (ĐN-TVXL01)	2.467.000.000	GCF	Đấu thầu rộng rãi trong nước không sơ tuyển, qua mạng	1 giai đoạn 2 túi hồ sơ	Quý I, II/2022	Theo đơn giá cố định	40 tháng
2	Thi công ao chống chịu biến đổi khí hậu, bao gồm các yếu tố kỹ thuật sinh học (giai đoạn 1), (ĐN-XL01)	7.545.000.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước không sơ tuyển, qua mạng	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý II, III/2022	Trọn gói	18 tháng
3	Mua sắm hàng hóa, trang thiết bị cho ban quản lý dự án tỉnh (ĐN-HH 01)	288.000.000		Chào hàng cạnh tranh, qua mạng	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý I, II/2022	Trọn gói	01 tháng
4	Điều phối viên cấp tỉnh kiêm chuyên gia kỹ thuật công trình thủy lợi (ĐN-IC01a)	1.036.000.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (Tư vấn cá nhân)	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý I, II/2022	Theo thời gian	52 tháng
5	Điều phối viên cấp tỉnh kiêm chuyên gia nông nghiệp và sinh kế bền vững (ĐN-IC01b)	931.800.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (Tư vấn cá nhân)	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý I, II/2022	Theo thời gian	52 tháng
6	Quản lý kế toán và thực hiện dự án (ĐN-IC02)	815.325.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước (Tư vấn cá nhân)	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý I, II/2022	Theo thời gian	52 tháng

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
7	Tư vấn giám sát khảo sát thiết kế bản vẽ thi công (ĐN-TVXL02)	66.957.000	Vốn đối ứng ngân sách Trung ương	Chi định thầu		Quý I, II/2022	Trọn gói	40 tháng
8	Tư vấn giám sát thi công các ao chống chịu với biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1) (ĐN-TVXL03)	196.017.000		Chi định thầu		Quý II, III/2022	Trọn gói	18 tháng
9	Tư vấn khảo sát, lập phương án rà phá bom mìn, vật nổ (giai đoạn 1) (ĐN-TVXL04)	14.300.000		Chi định thầu		Quý II, III/2022	Trọn gói	01 tháng
10	Rà phá bom mìn, vật nổ (giai đoạn 1) (ĐN-XL02)	92.763.000		Chi định thầu		Quý II, III/2022	Trọn gói	02 tháng
11	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán (giai đoạn 1) (ĐN-TV05)	28.067.000		Chi định thầu		Quý II, III/2022	Trọn gói	15 ngày
12	Đo đạc bản đồ địa chính phục vụ công tác giải phóng mặt bằng (ĐN-TV06) (giai đoạn 1)	94.000.000		Chi định thầu		Quý II, III/2022	Trọn gói	06 tháng
13	Tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường (ĐN-TV07)	205.400.000		Chi định thầu		Quý I, II/2022	Trọn gói	03 tháng
14	Chi phí bảo hiểm hàng hóa, trang thiết bị văn phòng (ĐN-PTV01)	30.000.000		Chi định thầu		Quý I, II/2022	Trọn gói	45 tháng
15	Chi phí bảo hiểm công trình (giai đoạn 1), (ĐN-PTV02)	54.788.000		Chi định thầu		Quý II, III/2022	Trọn gói	18 tháng
<b>Tổng giá trị các gói thầu phê duyệt:</b>		<b>13.865.417.000</b>		<b>(Mười ba tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm mười bảy nghìn đồng)</b>				

*m*